

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐỨC LINH
TỈNH BÌNH THUẬN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc

Bản án số: **20/2024/DS-ST**
Ngày: 26-3-2024
v/v: Tranh chấp nghĩa vụ trả tiền

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC LINH, TỈNH BÌNH THUẬN

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Thái

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Nguyễn Đức Bình;
- Bà Nguyễn Thị Mến.

-Thư ký phiên tòa: Tô Văn Liên- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận.

-Đại diện Viện kiểm nhân dân huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng- Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 3 năm 2024, tại phòng xử án Tòa án nhân dân huyện Đức Linh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 14/2024/TLST- DS, ngày 09/01/2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 63/2024/QĐXXST-DS ngày 5/3/2024; giữa:

1. *Nguyên đơn:* Bà **Nguyễn Thị Thu T**, sinh năm 1964. Có mặt

Địa chỉ: Số 29 đường số 25, tổ 5, thôn X, xã DT, huyện DL, tỉnh Bình Thuận.

2. *Bị đơn:* Bà **Phạm Thị Đ**, sinh năm 1982 và ông **Nguyễn Minh D**, sinh năm 1980. Có mặt.

Địa chỉ: Đường số 23, tổ 4, thôn X, xã DT, huyện DL, tỉnh Bình Thuận. Hiện đang ở tại: Số 123 NT, khu phố Y, thị trấn ĐT, huyện DL, tỉnh Bình Thuận.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 28/12/2023 cùng các tài liệu, chứng cứ kèm theo, bản khai, trong giai đoạn chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thu T trình bày: Bà T là người buôn bán thức ăn gia súc; từ năm 2017 bà T có đầu tư (bán cám) cho bà Phạm Thị Đ và ông Nguyễn Minh D để chăn nuôi heo và thanh toán tiền theo từng đàn heo. Đến năm 2018, giữa bà T và vợ chồng bà Đ gút nợ; lúc này vợ chồng bà Đ còn nợ bà T số tiền cám là 159.605.000 đồng; vợ chồng bà Đ cam kết mỗi năm trả cho bà T 20.000.000 đồng. Tuy nhiên, từ năm 2019 đến ngày 21/01/2023 vợ chồng bà Đ chỉ trả cho bà T được số tiền 42.000.000 đồng, trung bình 01 năm trả 10.000.000 đồng, riêng năm 2020 trả 12.000.000 đồng; năm 2024 bà Đ, ông D không trả. Nay có thông tin vợ chồng bà Đ bán nhà, nhưng không trả nợ cho bà T, nên bà T khởi kiện yêu cầu bà Đ, ông D trả nợ cám còn lại là 117.605.000 đồng và tiền lãi 0,83%/tháng, kể từ ngày 22/01/2023 cho đến khi Tòa án giải quyết xong vụ án.

Chứng cứ do nguyên đơn đưa ra là 01 viết tay, ghi ngày 3/8/2018, có nội dung: Đ, D nợ lại 159.605.000 đồng, đầu năm 2019 hẹn 01 năm trả 20.000.000 đồng và ký tên ghi tên Phạm Thị Đ, Nguyễn Minh D.

Trong quá trình tố tụng bị đơn bà Phạm Thị Đ và ông Nguyễn Minh D trình bày: Bà Đ, ông D có mua cám và nợ lại bà T số tiền 159.605.000 đồng. Sau khi gút nợ năm 2018, mỗi năm bà Đ, ông D có trả cho bà T 10.000.000 đồng; riêng năm vừa rồi do bà T khởi kiện vợ chồng bà Đ đến Tòa án, nên vợ chồng bà Đ chưa trả cho bà T và đợi Tòa án giải quyết. Nay vợ chồng bà Đ còn nợ bà T số tiền 117.605.000 đồng và hứa khi nào có tiền sẽ trả cho bà T. Vì hiện tại vợ chồng bà Đ không còn tài sản, do bị bà N ở thị trấn ĐT giật số tiền 2.000.000.000 đồng; đồng thời còn phải nuôi các con ăn học.

Chứng cứ bị đơn cung cấp là những giấy tờ mua cám từ bà T.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát:

Về phần thủ tục: Thẩm phán thụ lý vụ án, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và các đương sự tuân thủ đúng quy định pháp luật tố tụng.

Về nội dung vụ án; Khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, nên chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về phần thủ tục: Khởi kiện của nguyên đơn thuộc thẩm quyền thụ lý giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đức Linh, theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp, áp dụng pháp luật để giải quyết quan hệ tranh chấp: Căn cứ đơn khởi kiện, chứng cứ kèm theo, xác định quan hệ pháp luật tranh chấp: Tranh chấp về nghĩa vụ trả tiền trong hợp đồng mua bán tài sản. Quan hệ được xác lập vào năm 2018, nên áp dụng Điều 280, 282, 440 Bộ luật Dân sự năm 2015 để giải quyết.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là yêu cầu vợ chồng bà Phạm Thị Đ và ông Nguyễn Minh D trả số tiền nợ mua cám 117.605.000 đồng là có căn cứ. Vì cả 02 bên đều thống nhất là vợ chồng bà Đ còn nợ bà T số tiền 117.605.000 đồng. Trong nội dung gút nợ ngày 3/8/2018, bà Đ và ông D có ghi là mỗi năm trả cho bà T 20.000.000 đồng, nhưng trên thực tế bà Đ và ông D chỉ trả mỗi năm 10.000.000 đồng, riêng năm 2020 trả 12.000.000 đồng, điều này là vi phạm quy định Điều 280, 282 của Bộ luật Dân sự năm 2015. Việc bà Đ và ông D cho rằng, hiện tại gia đình không còn tài sản và đang phải nuôi con ăn học, nên không có tiền trả cho bà T và hẹn khi nào có tiền sẽ trả. Với lý do này là không được Hội đồng xét xử chấp nhận. Từ đó buộc bà Đ ông D phải trả cho bà T số tiền 117.605.000 đồng là phù hợp pháp luật, phù hợp quan điểm của đại diện Viện kiểm sát.

[4] Về tiền lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ: Do bà Đ và ông D không thực hiện nghĩa vụ trả nợ đúng cam kết là mỗi năm trả số tiền 20.000.000 đồng, nhưng

thực tế mỗi năm chỉ trả số tiền 10.000.000 đồng hoặc 12.000.000 đồng là thực hiện nghĩa vụ không đầy đủ, không đúng định kỳ theo như cam kết, nên xem như là chậm thực hiện nghĩa vụ, nên phải chịu lãi mức 0,83%/tháng là phù hợp Điều 357, 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Cách tính lãi như sau: Ngày 21/01/2023 là ngày trả nợ cuối cùng, nên ngày 22/01/2023 là ngày chậm thực hiện nghĩa vụ. Từ ngày 22/01/2023 đến ngày xét xử là: 14 tháng 4 ngày;

$117.605.000 \text{ đồng} \times 0,83\% \times (14 + \frac{4}{30}) = 13.795.000 \text{ đồng}$ (đã làm tròn số).

[5] Về án phí: Bà Đ và ông D phải chịu án phí phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

[6] Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 37 Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 280, 282, 357, 440 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

1. Buộc bà Phạm Thị Đ và ông Nguyễn Minh D trả cho bà Nguyễn Thị Thu T số tiền 131.400.000 đồng (một trăm ba mươi một triệu bốn trăm ngàn đồng); trong đó tiền nợ gốc 117.605.000 đồng và tiền lãi 13.795.000 đồng

Kể từ ngày bà Nguyễn Thị Thu T có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bà Phạm Thị Đ và ông Nguyễn Minh D còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

2. Về án phí: Bà Phạm Thị Đ và ông Nguyễn Minh D phải chịu 6.570.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Bà Nguyễn Thị Thu T không phải chịu án phí, trả lại cho bà Nguyễn Thị Thu T 3.213.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp, theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004123, ngày 9/01/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Linh.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, tính từ ngày tuyên án: 26/3/2024, để Tòa án cấp trên xét xử phúc thẩm.

4. Trường hợp bản án thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện;
- THADS huyện;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Thái